TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **79**/2019/HN-ST
Ngày: 29/11/2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Lình.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Hoa.

2. Bà Đoàn Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung, thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên toà*:** Ông Trần Văn Ý, kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 118/2019/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2019/QĐXX-ST ngày 25 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 110/2019/QĐST - HNGĐ ngày 12/11/2019, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm: 1993 (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*)

* *Bị đơn*: Anh Trần Văn H, sinh năm: 1991. (*Vắng mặt không có lý do*)

Cùng cư trú: Ấp Kim Qui A, xã Vân Khánh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 12/4/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ng trình bày và yêu cầu như sau*: Chị và anh H chung sống với nhau từ năm 2015, anh chị có thực hiện việc đăng ký kết hôn và được UBND xã Vân Khánh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01/6/2015. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống với gia đình chồng được khoảng 10 ngày thì anh chị đi đến Bình Dương làm thuê vài tháng thì anh chị có trở về nhà thăm gia đình hai bên.

Trong quá trình vợ chồng chung sống thì anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H làm việc gì cũng không bàn bạc với chị, anh H ham chơi và luôn gây nợ. Chị có khuyên anh H rất nhiều lần, anh H hứa sẽ từ bỏ nhưng anh H

không thực hiện được. Mỗi lần anh chị cự cãi thì chị đều điện thoại về cho gia đình, cả hai gia đình đều có khuyên anh H nhưng anh H vẫn không thay đổi. Anh chị ly thân nhau từ khoảng tháng 4/2019 đến nay.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên cháu Trần Ngọc Ng1, sinh ngày 23/3/2017 (giới tính nữ), cháu đã có giấy khai sinh và chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng cháu từ khi vợ chồng ly thân đến nay.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung.

Về nợ chung: Không có.

Chị Ng yêu cầu:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn H.

- Về con chung: Yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* Tại phiên tòa:

- *Chị Ng và anh H vắng mặt.*

- *Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự;

Đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay phía nguyên đơn chị Ng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định; Riêng anh H chấp hành pháp luật tố tụng chưa đảm bảo, vắng mặt không trình bày ý kiến dù được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ: Cho ly hôn giữa chị Ng và anh H;

- Về con chung: Giao con chung cho chị Ng nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con;

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là

HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ng khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn H là tranh chấp dân sự về hôn nhân & gia đình. Khi chị Ng khởi kiện được Tòa án thụ lý vụ án giải quyết và hiện nay bị đơn anh H cư trú tại ấp Kim Qui A, xã Vân Khánh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nH anh H đều vắng mặt không có lý do. Toà án triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng anh H vẫn không tham gia. Xét thấy, tại phiên tòa vắng mặt chị Ng (có đơn xin xét xử vắng mặt) và trường hợp vắng mặt của anh H không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị Ng và anh H.

Qua yêu cầu của các đương sự trong vụ án được xác định mối quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*".

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Ng và anh H chung sống với nhau từ năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vân Khánh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang vào ngày 01/6/2015 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị Ng về việc ly hôn với anh H, HĐXX xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án chị Ng xác nhận sau khi kết hôn và qua thời gian chung sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, cuộc sống hòa hợp và vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau mà không hàn gắn được nên anh chị đã ly thân từ tháng 4/2019 cho đến nay. Qua xác minh tại nơi cư trú, cho thấy trong quá trình chung sống giữa chị Ng và anh H có phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do anh chị không cùng quan điểm sống. Đồng thời, sau khi Tòa án thụ lý và Tòa án đã tiến hành triệu tập anh H nhiều lần để hòa giải nhằm động viên anh chị trở về chung sống, tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình nH anh H luôn vắng mặt, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của anh đối với yêu cầu của chị Ng.

Mặc khác, theo như chị Ng trình bày anh chị đã thân từ tháng 4/2019 đến nay nhưng anh chị vẫn không hàn gắn lại được tình cảm, không tới lui để quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau là anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật HN&GĐ năm 2014 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho chị Ng được ly

hôn với anh H.

[3] *Về quan hệ con chung:* Xét yêu cầu của chị Ng về việc được tiếp tục nuôi cháu Trần Ngọc Ng1, sinh ngày 23/3/2017 (giới tính nữ). HĐXX xét thấy, từ khi chị Ng và anh H ly thân đến nay, chị Ng là người trực tiếp nuôi cháu Ngân và hiện nay cháu Ngân chưa được 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ nhằm đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho cháu và phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Ng và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, tiếp tục giao cháu Ng1 cho chị Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Ng không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nhưng khi cần thiết, chị Ng có quyền yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Ng xác định không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau khi ly hôn, có phát sinh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì chị Ng và anh H vẫn có nghĩa vụ liên đới.

[5] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ng phải chịu án phí số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Ng được ly hôn với anh Trần Văn H.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trần Ngọc Ng1, sinh ngày 23/3/2017 (giới tính nữ) cho chị Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị Ng không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Khi cần thiết, chị Ng có quyền yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom

con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Ng chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0006310 ngày 07/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Chị Ng không phải nộp thêm.

4. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trịnh Thị Cẩm Lình

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh KG;
- UBND xã Vân Khánh.
- Lưu HS, VP.